**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**

Hải Phòng, tháng 8 năm 2013

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **TRANG** |
|  |  |
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 2  |
|  |  |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  | 3 - 4  |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  | 5 |
|  |  |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  | 6 |
|  |  |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  | 7 - 19 |

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

|  |  |
| --- | --- |
| Ông Vũ Xuân Bằng | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Khoa Năng Tuyên | Thành viên |
| Ông Phạm Thế Hưng | Thành viên |
| Ông Đặng Văn Hải | Thành viên |
| Ông Đinh Văn Liêm | Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/05/2013) |
| Ông Lê Văn Thắng | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/05/2013) |

**Ban Giám đốc**

|  |  |
| --- | --- |
| Ông Vũ Xuân Bằng | Giám đốc |
| Ông Khoa Năng Tuyên | Phó Giám đốc  |

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
* Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
* Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
* Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính, đồng thời tuân thủ các qui định về việc công bố thông tin theo Quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

|  |
| --- |
|  |
| **Vũ Xuân Bằng****Giám đốc** Hải Phòng, ngày 06 tháng 08 năm 2013 |

## Số: **124** /2013/AP-BCSX

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:** **Các cổ đông**

 **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng**

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Bảng Cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30/6/2013 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 06 tháng 8 năm 2013 từ trang 3 đến trang 19. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và Báo cáo soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 đã được kiểm toán và soát xét bởi một Công ty Kiểm toán khác. Trên báo cáo kiểm toán số 3166/2013/BCKT-IFC ngày 26/3/2013 và Báo cáo soát xét số 2965/2012/BCSX - IFC ngày 10/8/2012, kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| **Vũ Bình Minh** **Giám đốc** Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0034-2013-148-1***Thay mặt và đại diện cho*** **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ***Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2013* |  | **Đoàn Thu Hằng****Kiểm toán viên**Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1396-2013-148-1 |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013*

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

****

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013*

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị tính: VND



*Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2013*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập** | **Trưởng phòng KT-TC** | **Giám đốc** |
| **Vũ Thanh Tùng** | **Phạm Thế Hưng** | **Vũ Xuân Bằng** |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*

 **MẪU B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

****

*Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2013*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập** | **Trưởng phòng KT-TC** | **Giám đốc** |
| **Vũ Thanh Tùng** | **Phạm Thế Hưng** | **Vũ Xuân Bằng** |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**(Phương pháp gián tiếp)**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013*

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

****

*Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2013*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập** | **Trưởng phòng KT-TC** | **Giám đốc** |
| **Vũ Thanh Tùng** | **Phạm Thế Hưng** | **Vũ Xuân Bằng** |

1. **THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải và Sửa chữa Thủy thuộc Công ty Xi măng Hải Phòng theo Quyết định số 1753/QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000727 ngày 24 tháng 02 năm 2004 và thay đổi lần thứ 3 theo mã số doanh nghiệp là 0200577563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 20 tháng 10 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 20 tháng 10 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 20.163.850.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HCT.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 290 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

 **Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vận chuyển bằng phương tiện vận tải thủy, bộ; Kinh doanh xi măng, xăng dầu, vật tư, vật liệu xây dựng; Kinh doanh kho, bến bãi.

1. **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được lập theo các quy định hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam về lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời phục vụ cho việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được qui định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.

1. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Đối tượng được trích lập dự phòng bao gồm các khách hàng có số dư nợ quá hạn theo hợp đồng hoặc mất khả năng thanh toán, không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới, phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC trong việc trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 trong các kỳ kế toán trước. Việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC không làm thay đổi mức trích khấu hao của các tài sản cố định được Công ty đang áp dụng.Tiêu thức xác định nguyên giá tài sản cố định của Công ty được điều chỉnh lại phù hợp với quy định mới. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Năm** |
|  |  |  |  |
| Nhà xưởng, vật kiến trúc |  |  | 05 - 20 |
| Máy móc, thiết bị |  |  | 03 - 10 |
| Phương tiện vận tải |  |  | 03 - 15 |
| Thiết bị văn phòng |  |  | 05  |

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế, thể hiện giá trị của phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, Công ty đang nộp thuế TNDN theo thuế suất 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

****

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng; lãi suất 6%/năm.

1. **Hàng tồn kho**

****

1. **Tài sản cố định vô hình**

****

1. **Tài sản cố định hữu hình**



Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/06/2013 là: 3.937.007.614 đồng.

1. **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

****

(\*): Là số tiền đã chi cho việc đầu tư mua sắm mới tàu thuỷ trọng tải 2.000 tấn, trị giá theo hợp đồng là 15,6 tỷ đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

1. **Chi phí trả trước dài hạn**

****

1. **Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

****

1. **Các khoản phải trả phải nộp khác**

****

1. **Vốn chủ sở hữu**

****

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 12/HCT-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2013 đã thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 408.554.958 đồng;

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 136.184.986 đồng;

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.170.767.278 đồng;

- Chia cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là: 1.008.192.500 đồng. Đến thời điểm 30/6/2013, Công ty đã thanh toán 981.168.550 đồng tiền cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

****

**Cổ phiếu**

****

1. **Doanh thu**

****

1. **Giá vốn**

****

1. **Chi phí bán hàng**

****

1. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**



1. **Thu nhập khác**

****

(\*): Theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, đất đai, tài sản trên đất thu hồi của 04 tổ chức để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Xi măng Hải Phòng ngày 07/08/2012, tổng số tiền Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng được bồi thường là 6.643.143.177 đồng. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 29/12/2011 giữa Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng trong năm 2012, Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng đã bồi thường cho Công ty với số tiền 3 tỷ đồng, tương ứng mỗi tháng 250 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đang ghi nhận vào thu nhập khác số tiền là 1,5 tỷ đồng, tương ứng 250 triệu đồng/tháng. Khoản bồi thường nói trên dự kiến sẽ được thanh toán trong năm 2013.

1. **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

****

1. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

****

1. **Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**Trong kỳ Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

****

**Số dư với các bên liên quan:**

****

1. **Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản phải trả trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

****

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2013 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2013 là 352.598.845 đồng (tại ngày 01/01/2013 là 229.214.669 đồng).

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



1. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 30/06/2013 cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

1. **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế.

*Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2013*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập** | **Trưởng phòng KT-TC** | **Giám đốc** |
| **Vũ Thanh Tùng** | **Phạm Thế Hưng** | **Vũ Xuân Bằng** |